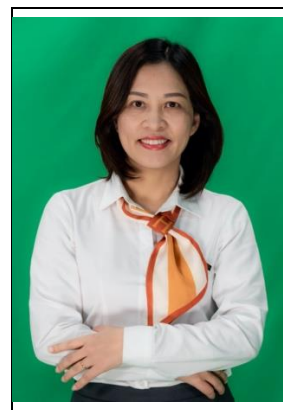


Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: **Kinh tế** ; Chuyên ngành: **Quản trị - Quản lý**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG LAN**

2. Ngày tháng năm sinh: 13/8/1974; Nam ☐ ; Nữ ☒ ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phòng 407, nhà G6, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 407, nhà G6, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0913.24.8998

E-mail: lanth@vnu.edu.vn; huonglansaodo@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 8 năm 1997: Cán bộ nghiên cứu tại Bộ môn Nghiên cứu Tổng hợp, Viện Kinh tế Bưu điện, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

- Từ tháng 02 năm 2004 đến tháng 9 năm 2004: Phó Trưởng Bộ môn, Bộ môn Nghiên cứu Tổng hợp, Viện Kinh tế Bưu điện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 10 năm 2004 đến tháng 5 năm 2006: Phó Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu Thị trường, Viện Kinh tế Bưu điện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 6 năm 2006 đến tháng 10 năm 2006: Phụ trách phòng, Phòng Nghiên cứu Thị trường, Viện Kinh tế Bưu điện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 05 năm 2007: Trưởng phòng, Phòng Nghiên cứu Thị trường, Viện Kinh tế Bưu điện, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 06 năm 2007 đến tháng 10 năm 2007: Chuyên viên Phòng Đầu tư Tài chính, Công ty Tài chính Bưu điện, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 04 năm 2009: Phó Trưởng phòng, Phòng Đầu tư Tài chính, Công ty Tài chính Bưu điện, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 05 năm 2009 đến tháng 10 năm 2011: Phó Trưởng phòng phụ trách, Phòng Đầu tư Tài chính, Công ty Tài chính Bưu điện, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- Từ tháng 09 năm 2011 đến tháng 7 năm 2013: Giảng viên Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Đại Nam
- Từ tháng 8 năm 2013 đến tháng 4 năm 2017: Phó Trưởng Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Đại Nam
- Từ tháng 05 năm 2017 đến tháng 8 năm 2018: Phó Trưởng khoa phụ trách, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Đại Nam
- Từ tháng 8 năm 2018 đến tháng 2 năm 2019: Giảng viên Bộ môn Khoa học Xã hội, Quản lý và Kinh tế, Khoa Quốc tế - ĐHQGHN.
- Từ tháng 4 năm 2019 đến nay: Giảng viên, Bộ môn Quản lý Kinh tế, Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN).
- Chức vụ hiện nay: Giảng viên Bộ môn Quản lý Kinh tế, Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.
- Chức vụ cao nhất đã qua:
 - Phó Trưởng Khoa phụ trách, Khoa Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Đại Nam
 - Trưởng Phòng, Phòng Nghiên cứu Thị trường, Viện Kinh tế Bưu điện
- Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Quản lý Kinh tế, Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

- Địa chỉ cơ quan: Phòng 101, Tòa E4, số 144 Xuân Thủy, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 02437547506.
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 11 năm 1995;

Số văn bằng: A33599; ngành: Kinh tế Chính trị, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH (thứ hai) ngày 10 tháng 10 năm 2022;

Số văn bằng: DT/CN/03971; ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 7 năm 2007;

Số văn bằng: QM 002028; ngành: Kinh tế Chính trị; chuyên ngành: Kinh tế Chính trị

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 3 tháng 6 năm 2016;

Số văn bằng: 005692; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Quản lý Kinh tế

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày tháng năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng năm ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐHQGHN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: KINH TẾ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Sau gần 14 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cũng như sau khi được công nhận học vị Tiến sĩ, tôi tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chủ yếu sau đây:

▪ **Hướng nghiên cứu 1: Quản lý, tổ chức và hoạt động của các tổ chức trung gian trên thị trường tài chính** (công ty tài chính, ngân hàng thương mại, công ty chứng khoán, bảo hiểm)

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Hướng dẫn học viên: Số thứ tự [2], [3], [4], [8] (4/8 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [1], [4] (2/4 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [1], [4], [6] (3/7 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [2], [3], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [15], [16], [18], [23], [24], [26], [27], [30], [33], [34], [36], [37], [39] (23/41 bài báo)

▪ **Hướng nghiên cứu 2: Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp**

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Hướng dẫn học viên: Số thứ tự [1], [5], [6], [7] (4/8 HVCH)
- Sách phục vụ đào tạo: Số thứ tự [2], [3], (2/4 sách)
- Đề tài khoa học: Số thứ tự [2], [3], [5], [7] (4/7 đề tài)
- Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [4], [13], [14], [17], [19], [20], [21], [22], [25], [28], [29], [31], [32], [35], [38], [40], [41] (18/41 bài báo)

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **8 học viên cao học** bảo vệ thành công và đã nhận bằng Thạc sĩ, hiện đang hướng dẫn 03 nghiên cứu sinh tại Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.
- Đã chủ nhiệm và hoàn thành, nghiệm thu **06 đề tài NCKH** cấp cơ sở, trong đó:
 - Trước khi bảo vệ luận án tiến sĩ: Chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở: (i) MS: 019-2005-TCT-RDP-QL-74 (nghiệm thu 2005); (ii) MS: 06-NV-VKT-2006-TĐ-DADDMBC (nghiệm thu 2007), (iii) QĐ chuẩn y Số 589/QĐ-ĐN (nghiệm thu năm 2016).
 - Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ: Chủ nhiệm 03 đề tài NCKH cấp cơ sở có mã số như sau: (i) KT.19.08 (nghiệm thu năm 2021), (ii) KT.21.10 (nghiệm thu 2022) và (iii) KT.23.31 (nghiệm thu năm 2024).
- Thành viên, chuyên gia trong nước của Dự án hợp tác giữa JBIC (Nhật Bản), Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam và Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, năm 2002.
- Đã công bố **41 bài báo khoa học**, trong đó có 4 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế (4 bài thuộc danh mục ISI/Scopus), 28 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước (có chỉ số ISSN), 05 bài nghiên cứu đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, 04 bài nghiên cứu đăng trên kỷ yếu hội thảo trong nước.

- Đã là thành viên của 02 nhóm xây dựng chương trình đào tạo: **01 chương trình đào tạo thạc sĩ, 01 chương trình đào tạo tiến sĩ.**
- **Đã chủ trì xây dựng 02 đề cương học phần** (1 trình độ thạc sĩ và 1 trình độ cử nhân) theo chuẩn ACBSP.
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản là 04, trong đó 04 thuộc nhà xuất bản có uy tín. Cụ thể: Chủ biên **01 sách chuyên khảo**, thành viên **02 giáo trình** và tác giả chính **01 chương sách** của nhà xuất bản quốc tế uy tín.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế có thành tích xuất sắc Năm học 2019-2020 theo Quyết định số 2173/QĐ-ĐHKT ngày 12/08/2020
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN về thành tích xuất sắc Năm học 2020-2021
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Năm học 2021-2022 theo Quyết định số 2854/QĐ-ĐHKT ngày 23/8/2022
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Năm học 2022-2023 theo Quyết định số 2741/QĐ-ĐHKT ngày 08/8/2023
- Bằng khen của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội Năm học 2022-2023 theo Quyết định số 3236/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/8/2023
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Năm học 2023-2024 theo Quyết định số 341/QĐ-ĐHKT ngày 19/02/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN
- Danh hiệu “Điển hình tiên tiến” Trường Đại học Kinh tế giai đoạn 2020-2025 theo Quyết định số 1308/QĐ-ĐHKT ngày 05/05/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN.
- Năm học 2021-2022: 01 Sáng kiến cấp cơ sở theo Quyết định số 2268/QĐ-ĐHKT ngày 21/07/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.
- Năm học 2022-2023: 03 Sáng kiến cấp cơ sở theo Quyết định số 2385/QĐ-ĐHKT ngày 11/07/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.
- Năm học 2023-2024: 01 Sáng kiến cấp cơ sở theo Quyết định số 2290/QĐ-ĐHKT ngày 22/7/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.
- Năm học 2024-2025: Chưa xét

16. Kỷ luật (hành thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

- *Về tiêu chuẩn của nhà giáo*, bên cạnh bảo đảm sức khỏe theo yêu cầu công việc và tố chất phù hợp với nghề nghiệp như sự kiên trì, khả năng truyền đạt dễ hiểu, tôi nhận thấy bản thân mình đã đáp ứng chuẩn nghề nghiệp về trình độ và những kỹ năng mới. Hàng năm, tôi luôn được ghi nhận là giảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tại môi trường năng động, hội nhập, quốc tế hoá và tự chủ của nơi tôi đang công tác. Điều đó có được nhờ sự miệt mài trong học tập, cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong suốt các năm tháng công tác. Ưu điểm lớn nhất của bản thân tôi là khả năng truyền động lực, hun đúc tinh thần sáng tạo, đổi mới đối với mỗi lớp sinh viên, học viên mà tôi đã giảng dạy. Tôi luôn có những biện pháp để thực hiện sứ mệnh này một cách tốt nhất và không ngại hy sinh về thời gian và tâm sức để hỗ trợ người học không chỉ trong học tập và NCKH mà còn thông qua nhiều hoạt động trải nghiệm thực tập, thực tế hiệu quả và thường xuyên. Từ đó, tôi nhận được nhiều sự tin tưởng từ người học và đồng nghiệp, các cơ quan, tổ chức mà mình đã trải qua.
- *Về nhiệm vụ của nhà giáo*, theo Luật Giáo dục hiện hành và những nhiệm vụ cụ thể mà Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN giao cho hàng năm, tôi luôn bám sát những nhiệm vụ trọng tâm và mũi nhọn hàng năm của Khoa và Nhà trường, luôn nỗ lực đóng góp sức mình một cách trách nhiệm và có hiệu quả trong công việc chung, luôn suy nghĩ và trăn trở để làm tốt hơn trách nhiệm của bản thân và của tập thể. Gương mẫu thực hiện các quy tắc ứng xử của nhà giáo nói chung và của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN nói riêng. Tôn trọng, đối xử công bằng với người học. Bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học, vì lý do đó, tôi thường được các cấp lãnh đạo chuyên môn và quản lý ghi nhận là cố vấn học tập tâm huyết và trách nhiệm đối với các bậc đào tạo mà tôi đã và đang tham gia làm cố vấn học tập. Để được ghi nhận những thành tích và khen thưởng từ Nhà trường và ĐHQGHN, tôi nghĩ rằng vì mình luôn có một tình yêu rất lớn đối với nghề nghiệp và không ngừng nỗ lực học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học và đặc biệt là có những hành động cụ thể để duy trì và giữ gìn bản sắc, truyền thống của Khoa, của Nhà trường và của Ngành.

Vì vậy, tôi tự nhận thấy mình đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn chuyên môn và đạo đức của nhà giáo cũng như những nhiệm vụ đối với nhà giáo trong thời kỳ mới - hội nhập và phát triển.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 8 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014			0	11	429,5	0	429,5/706,5/360
2	2016-2017			0	0	321	0	321,5/426,5//360
3	2018-2019			0	0	0	0	0/0/0
4	2019-2020			0	0	270	90	360/576/229,5
5	2020-2021			2	1	285	56	341/556,2/229,5
6	2021-2022			3	2	360	60	420/674/229,5
03 năm học cuối								
7	2022-2023			3	1	193	65	258/438,4/229,5
8	2023-2024			0	4	180	41	221/385,5/229,5
9	2024-2025			0	0	291	48	339/358/263,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Áp

dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHKT ngày 25/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu. Áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-ĐHKT ngày 14/06/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ và luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Thái Nguyên, Việt Nam; Số bằng: DT/CN/03971; Năm cấp: 2022

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒; Diễn giải: Viết bài báo khoa học bằng Tiếng Anh, tham gia Dự án nghiên cứu của JBIC và Ngân hàng Thế giới bằng tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Đại học (2022)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Quang Vinh		X	X		2020-2021	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	4398/QĐ-ĐHKT ngày 31/12/2021
2	Dương Thị Quyên		X	X		2020-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	446/QĐ-ĐHKT ngày 24/02/2023

3	Nguyễn Hùng Sơn		X	X		2021-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	3969/QĐ-ĐHKT ngày 11/11/2022
4	Trần Mạnh Chung		X	X		2021-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	1684/QĐ-ĐHKT ngày 06/06/2022
5	Phạm Thành Công		X	X		2021-2022	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	4396/QĐ-ĐHKT ngày 27/11/2023
6	Lê Thị Thuý Hằng		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	4868/QĐ-ĐHKT ngày 29/12/2023
7	Lê Hồng Hanh		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	4868/QĐ-ĐHKT ngày 29/12/2023
8	Nguyễn Kim Anh		X	X		2022-2023	Trường ĐHKT-ĐHQGHN	2111/QĐ-ĐHKT ngày 22/06/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

Hướng dẫn HVCH theo các hướng nghiên cứu sau:

- Hướng nghiên cứu số 1: Số thứ tự [2], [3], [4], [8] (4/8 HVCH)
- Hướng nghiên cứu số 2: Số thứ tự [1], [5], [6], [7] (4/8 HVCH)

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Mô hình tổ chức và hoạt động của công ty tài chính	CK	NXB Công thương, 2024	01	TS. Nguyễn Thị Hương Lan	Toàn bộ	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

2	Quản lý Nhà nước về kinh tế	GT	NXB ĐHQGHN, 2024	05	PGS.TS. Phạm Thị Hồng Điệp	53-118, 152-205	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
3	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	GT	NXB ĐHQGHN 2021	17	PGS.TS. Phạm Văn Dũng	327-334	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN
4	Chương 2 “Tác động của công bố thông tin trách nhiệm xã hội trực tuyến đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong ngành ngân hàng: Bằng chứng từ Việt Nam”; Sách “Các vấn đề kinh tế đương đại ở các nước châu Á”	Chương sách	NXB Springer, 2022, Chapter DOI: 10.1007/978-981-99-0490-7_2;	02	Lan Nguyen-Thi-Huong, Anh Nguyen-Phuong	CEIAC 2022, Volume 2; ISBN 978-981-99-0489-1; Link: https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-99-0490-7_2	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Trong đó: 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (số thứ tự **[1]**) và 01 chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (số thứ tự **[4]**), mà ứng viên là chủ biên sau TS.

Biên soạn sách theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu số 1:** Số thứ tự **[1]** và **[4]** (2/4 sách)
- **Hướng nghiên cứu số 2:** Số thứ tự **[2]** và **[3]** (2/4 sách)

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Dự án: Enhancing Access to Basic Infrastructure (Cải thiện việc tiếp cận cơ sở hạ tầng thiết yếu).	Thành viên	Dự án hợp tác giữa JBIC (Nhật Bản), Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam và Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương	2002	Báo cáo 6/2002, Nhóm hành động chống đói nghèo, Chiến lược thực hiện các mục tiêu phát triển của Việt Nam
2	ĐT: Xây dựng chương trình khách hàng thân thiết đối với dịch vụ điện thoại di động.	CN	MS: 019-2005-TCT-RDP-QL-74, Cấp cơ sở	01/2005-12/2005	Hợp đồng KHCN ngày 11/10/2005 kèm Thuyết minh, Biên bản nghiệm thu ngày 13/12/2005, Xếp loại: Tốt
3	ĐT: Xây dựng phương án tổ chức và phát triển kinh doanh dịch vụ bưu phẩm quảng cáo của Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam	CN	MS: 06-NV-VKT-2006-TĐ-DADDMB, Cấp cơ sở	06/2006-12/2007	Biên bản thẩm định thuyết minh 16/3/2006, Biên bản nghiệm thu ngày 13/12/2007, Xếp loại: Tốt
4	ĐT: Giải pháp phát triển hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam hiện nay	CN	QĐ chuẩn y ĐT: Số 589/QĐ-ĐN ngày 15/02/2014, Cấp cơ sở	02/2014-12/2014	HĐ số 04a/HĐ-ĐN-NCKH ngày 14/02/2014 Biên bản nghiệm thu: 05/06/2015 Xếp loại: Xuất sắc

II Sau khi được công nhận TS					
5	ĐT: Nghiên cứu xây dựng khoá đào tạo ngắn hạn về kỹ năng thích ứng với những yêu cầu của Chính phủ số và kinh tế số	CN	KT.19.08 Cấp cơ sở	Từ 01/2020 đến 06/2020	QĐ số 1795/QĐ-ĐHKT ngày 18/6/2021 Biên bản họp nghiệm thu 22/06/2021 Xếp loại: Tốt
6	ĐT: Các yếu tố quyết định chiến lược đa dạng hóa sinh kế của các hộ gia đình ở miền núi phía Bắc Việt Nam: Bằng chứng từ tỉnh Thái Nguyên	CN	KT.21.10 Cấp cơ sở	Từ 09/2021 đến 08/2022	HĐ số 79/QĐ-NCKH ngày 28/09/2021 Biên bản họp nghiệm thu 15/05/2022 Xếp loại: Tốt
7	ĐT: Nhân tố ảnh hưởng đến thu hút FDI vào các tỉnh vùng ven biển Việt Nam	CN	KT.23.31 Cấp cơ sở	Từ 11/2023 đến 10/2024	QĐ số 1710/QĐ-ĐHKT ngày 07/06/2024 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Đề tài khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu số 1:** Số thứ tự [1], [4] và [6] (3/7 đề tài)
- **Hướng nghiên cứu số 2:** Số thứ tự [2], [3], [5] và [7] (4/7 đề tài)

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
I.1	Tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus							
I.2	Tạp chí quốc tế khác							
I.3	Hội thảo quốc tế							
1	To enhance VNPT's competitiveness in the transition period	1	x	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế AIC (Asian Info-communications Council) lần thứ 25, 23-27 April 2001, Shanghai, China			p42, 82, 89	2001
I.4	Hội thảo trong nước							
2	Tái cấu trúc các công ty chứng khoán ở Việt Nam hiện nay	1	X	Kỷ yếu Hội thảo, Giấy phép xuất bản số: 1348-2012/CXB/01-178/ĐHKTQD			Hội thảo khoa học “Một số giải pháp nhằm phát triển sản xuất kinh doanh trong điều kiện hiện nay”, p177-192	2012

3	Giải pháp về tăng vốn điều lệ đối với các công ty chứng khoán	1	X	Kỷ yếu Hội thảo, Số QĐ xuất bản: 114/QĐ-NXB TTTT ngày 23/4/2014, Mã số: KK 32 Hm 14			Hội thảo khoa học “Giải pháp về vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thời kỳ suy giảm kinh tế ở Việt Nam hiện nay”, p19-25	2014
4	Đổi mới giảng dạy song hành với đổi mới nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Đại Nam	1	X	Kỷ yếu hội thảo, QĐ xuất bản: 93/QĐ-NXBĐHKT QĐ 21/05/2015, ISBN: 978-604-927-967-6			Hội thảo khoa học “Đổi mới phương pháp giảng dạy theo định hướng phát triển năng lực người học tại các cơ sở đào tạo đại học ngoài công lập”, p155-163	2015
5	Thực trạng kinh doanh của khối công ty tài chính cổ phần có vốn góp của các tập đoàn/tổng công ty ở Việt Nam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo, QĐ xuất bản: 66/QĐ-NXBĐHKT QĐ ngày 14/04/2016, ISBN: 978-604-946-086-9			Hội thảo khoa học “Kế toán, Kiểm toán Việt Nam - 20 năm cải cách và hội nhập”, p390-395	2016
I.5	Tạp chí trong nước							
6	Hoạt động của các công ty tài chính trong năm	1	X	Tạp chí Dự báo và Kinh			16, p20-22	2008

	2008: Chưa hết khó khăn			tế (ISSN: 0866-7120)				
7	Cơ hội và thách thức đối với kinh doanh tín dụng tiêu dùng của các công ty tài chính Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán (ISSN: 1859- 4093)			09 (146), p52-55	2015
8	Cách khắc phục điểm yếu của công ty tài chính có vốn góp từ tập đoàn, tổng công ty nhà nước	1	X	Tạp chí Dự báo và Kinh tế (ISSN: 0866-7120)			18, p16-18	2015
9	Sinh viên đầu tư chứng khoán: “Học đi đôi với hành”	4	X	Tạp chí Dự báo và Kinh tế (ISSN: 0866-7120)			Số chuyên đề 6/2015, p4-5	2015
10	Thực trạng phát triển hoạt động bảo hiểm tiền gửi tại Việt Nam hiện nay	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông (ISSN: 1859- 0519)			06 (118), p47-55	2015
11	Bàn về vấn đề nâng cao năng lực tài chính đối với Bảo hiểm Tiền gửi Việt Nam	2	X	Tạp chí Kế toán và Kiểm toán (ISSN: 1859-1914)			143, p37-40	2015
12	Hoàn thiện cơ sở pháp lý về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính	1	X	Tạp chí Tài chính (ISSN: 005-56)			1 (632), p72-74	2016

13	Sáp nhập doanh nghiệp trước sức ép cạnh tranh và hội nhập.	2	X	Tạp chí Tài chính, ISSN: 005-56			1 (634), p77-79	2016
II	Sau khi được công nhận TS							
II.1	Tạp chí quốc tế trong danh mục ISI, Scopus							
14	Diversification, government support, and firm performance	3	X	Cogent Business & Management Journal (ISSN & eISSN: 2331-1975)	Scopus Q2, IF: 3, H-index =3.5		10 (2), 19/5/2023, https://doi.org/10.1080/23311975.2023.2215072	2023
15	How does digital transformation impact bank performance?	4	X	Cogent Economics & Finance (ISSN: 2332-2039)	Scopus Q2, IF: 2.3, H-index =2.4		11 (1), Published online: 05/30/2023 https://doi.org/10.1080/23322039.2023.2217582	2023
16	Financial Development and Economic Growth: Credit Distribution in Southeast Asian Countries	4	X	The Journal of Distribution Science (ISSN: 1738-3110, eISSN 2093-7717)	Scopus Q4, IF: 0.18, H-index: 19		03/30/2024, Link: https://koreascience.kr/article/JAKO202408143212918.page , DOI: https://doi.org/10.15722/jds.22.03.202403.49 , P49-58	2024
17	The Relationship Between Socio-Economic Uncertainty and	1	X	Journal of Distribution Science, Print ISSN: 1738-	Scopus Q4, IF:		Link: https://www.koreascience.kr/article	2025

	the Firm's Performance: Evidence from the Retail Industry			3110 / Online ISSN 2093-7717 https://doi.org/10.15722/jds.23.03.202503.5	0.18, H-index: 19		/JAKO202509036004584.pdf , 23 (3), Published online: 23/3/2025, P55-62	
II.2	Tạp chí quốc tế khác							
II.3	Hội thảo quốc tế							
18	Risks from M&A between Commercial Banks and Financial Companies in Vietnam	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế, <i>Annual Vietnam Academic Research Conference on Global Business, Economics, Finance and Social Sciences</i> , ISBN: 978-1-943579-92-1			https://globalbizresearch.org/Vietnam_Conference_2016_Aug/conference_paper.html	2016
19	Impact of sensory marketing on consumer behavior in Vietnam: A case study of Starbucks	4	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế, <i>The 11th Conference on international economic cooperation and integration</i> (CEICI 2023), ISBN: 978-604-369-860-2			Link: https://drive.google.com/drive/folders/1PoTF04pyEKrQ14ZMHTF7z5KlVuyGoOg4?usp=sharing	2023
20	The Application of Artificial Intelligence in producing content	5	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế, <i>Economics of Journalism and</i>			P99-126	2024

	of electronic articles in Vietnam			communication in the context of digital economy development, ISBN: 9-786-047-732-654, QĐ xuất bản số 945/QĐ-ThG ngày 10/9/2024				
21	Climate change governance in Vietnam: The decarbonizing pathways to cope with sustainable development goals	2	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế, <i>Green policies and practices: Catalyst or pressure for trade and investment (CIECI 2024)</i> , Mã số: 2L-275ĐH2024, Quyết định xuất bản số: 457 LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 08/05/2025			P538-556	2025
II.4	Hội thảo trong nước							
II.5	Tạp chí trong nước							
22	Động lực học tập của sinh viên khối ngành kinh tế trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	1	X	Tạp chí Tài chính (ISSN: 005-56)			2 (663), p24-27	2017
23	Enhancing responsibility and	1	X	Riview of Finance			2 (1+2), P37-40	2019

	innovating the operation of the Supervisory Board in joint stock companies.			(ISSN: 2615-8973)				
24	Management solutions for consumer credit business activities in Vietnam market	1	X	Review of Finance (ISSN: 2615-8973)			3 (1), p22-24	2020
25	Enhancing skills of civil servants to adapt to the requirements of digital government and economy in Vietnam	1	X	Review of Finance (ISSN: 2615-8973)			3 (4), P48-51	2020
26	The development of consumer credit market in Viet Nam and some recommendations	1	X	Review of Finance (ISSN: 2615-8973)			4 (2), P37-39	2021
27	Thiếu hụt vốn sinh kế của các hộ gia đình miền núi phía Bắc: Bằng chứng từ tỉnh Thái Nguyên	4		Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (ISSN: 0868-3808)			604, P25-27	2022
28	Extent to which people perceive and accept Covid-19 vaccines in north central Vietnam	6		VMOST Journal of Social Sciences and Humanities (P-ISSN: 2734-9748,			64 (2), Doi: 10.31276/VMoSTJoSS.H.64(2).63-74	2022

				E-ISSN: 2815-6471)				
29	Factors affecting successful digital transformation of Vietnamese enterprise: The case of Postmart e-commerce platform - Vietnam Post	2	X	Asia Pacific Economic Review (ISSN: 0868-3808)			1 (626+627), p61-63	2023
30	Electricity consumption and economic growth of Vietnam in 1986 - 2020	2	X	VNU Journal of Economics and Business. DOI: https://doi.org/10.57110/vnujeb.v3i2.151			3 (2), Link: https://jeb.uib.edu.vn/index.php/jeb/article/view/151	2023
31	Hoàn thiện công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban Quản lý dự án Trường Đại học Việt Nhật	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			Số 24, p49-53	2023
32	Tác động của Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Hàn Quốc (VKFTA) đến xuất khẩu hàng may mặc của Việt Nam sang Hàn Quốc	2	X	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán (ISSN: 1859-4093)			1 (263), p79-82,	2024
33	Phát triển bền vững thị trường	1	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo			9, p52-56	2024

	chứng khoán Việt Nam			(ISSN: 1859-4972)				
34	Exploring the determinants of digital banking: perspective on barriers to change	1	X	Journal of Finance & Accounting Research (ISSN: 2588-1493)			02 (27), p103-106,	2024
35	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi đọc báo điện tử của sinh viên	6	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			10, p130-133	2024
36	Đẩy mạnh phát triển trái phiếu xanh tại Việt Nam	1	X	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính - Kế toán (ISSN: 1859-4093)			1 (261), p5-9	2024
37	Già hoá dân số tại Việt Nam – Cơ hội và thách thức cho phát triển kinh tế bạc	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			4, P297-299	2025
38	Phát triển hoạt động truyền thông đa phương tiện tại Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam - VNPost	2	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			2, P613-616	2025
39	Xu hướng sử dụng dịch vụ vận tải xanh của người dân trên địa bàn thành phố Hà Nội	6	X	Tạp chí Kinh tế và Dự báo (ISSN: 1859-4972)			680 (4), P97-99	2025
40	Kinh nghiệm giám sát của cơ	3	X	Tạp chí Kinh tế và Kinh			5 (1), P98-105	2025

	quan dân cử đối với phát triển kinh tế nông thôn của một số tỉnh và bài học cho tỉnh Ninh Bình		(TG liên hệ)	doanh (ISSN: 2734-9845) DOI: https://doi.org/10.57110/vnu-jeb.v5i1.457				
41	Evaluating the oversight role of the People's Council in rural economic development: Evidence from Ninh Binh Province	3	X (TG liên hệ)	VNU Journal of Economics and Business (ISSN: 2815-5858), DOI: https://doi.org/10.57110/vnu-jeb.v5i2.373			5 (2), P85-92	2025

- Trong đó: 04 bài báo khoa học [14], [15], [16], [17]) đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: **04 bài thuộc danh mục ISI/Scopus, trong đó 03 bài là tác giả thứ nhất và 01 bài là tác giả độc lập.**

Bài báo và báo cáo khoa học theo các hướng nghiên cứu sau:

- **Hướng nghiên cứu số 1:** Bài báo khoa học: Số thứ tự [2], [3], [5], [6], [7], [8], [9], [10], [11], [12], [15], [16], [18], [23], [24], [26], [27], [30], [33], [34], [36], [37], [39] (23/41 bài báo)
- **Hướng nghiên cứu số 2:** Bài báo khoa học: Số thứ tự [1], [4], [13], [14], [17], [19], [20], [21], [22], [25], [28], [29], [31], [32], [35], [38], [40], [41] (18/41 bài báo)

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						

...							
-----	--	--	--	--	--	--	--

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
...					

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ Tiến sĩ Ngành Quản lý Kinh tế	Thư ký	Quyết định số 4287/HĐ-ĐHKT ngày 01/12/2022	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ Số 2102/QĐ-ĐHKT ngày	

					21/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	
2	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sỹ Ngành Quản lý Kinh tế	Thành viên	Quyết định số 91/HĐ-ĐHKT ngày 10/01/2023	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ Số 2147/QĐ- ĐHKT ngày 23/06/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	
3	Đề cương học phần “Quản lý Truyền thông” (hệ cử nhân)	Chủ trì	Quyết định số 16/24/ĐHKT- ĐCHP ngày 05/01/2024	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành đề cương học phần số 5071/QĐ-ĐHKT ngày 31/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	
4	Đề cương học phần “Đàm phán và Quản lý xung đột” (hệ thạc sỹ)	Chủ trì	Quyết định số 105/24/ĐHKT- ĐCHP ngày 31/10/2024	Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN	Quyết định ban hành đề cương học phần Số 1068/QĐ-ĐHKT ngày 15/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ..

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



TS. Nguyễn Thị Hương Lan